NỘI DUNG ÔN TẬP TUẦN TỪ 16 – 22/3

MÔN SINH LỚP 10

**I.Hoàn thành các câu hỏi sau vào vở môn Sinh học**

1. Hô hấp tế bào là gì?
2. Trình bày quá trình hô hấp tế bào.
3. Quang hợp là gì?
4. Trỉnh bày quá trình quang hợp.
5. Trình bày vai trò của quá trình quang hợp với thực vật và với các sinh vật khác.
6. Nêu mối quan hệ giữa quang hợp và hô hấp ở thực vật?

**II Chọn câu trả lời đúng (khoanh trón vào đáp án đúng)**

Câu 181. ATP được cấu tạo từ 3 thành phần là

1. ađenôzin, đường ribôzơ, 3 nhóm photphat.
2. ađenôzin, đường deôxiribozơ, 3 nhóm photphat.
3. ađenin, đường ribôzơ, 3 nhóm photphat.
4. ađenin, đường đeôxiribôzơ, 3 nhóm photphat.

Câu 182. Tại tế bào, ATP chủ yếu được sinh ra trong

A. quá trình đường phân. B. chuỗi truyền điện tử

C. chu trình Crep. D. chu trình Canvin.

Câu 183. Trong quá trình hô hấp tế bào, giai đoạn tạo ra nhiều ATP nhất là

A. đường phân. B. trung gian .

C. chu trình Crep. D. chuỗi truyền electron hô hấp.

Câu 184. ATP là một phân tử quan trọng trong trao đổi chất vì

A- nó có các liên kết phốtphát cao năng dễ bị phá vỡ để giải phóng năng lượng.

B- các liên kết phốtphát cao năng dễ hình thành nhưng không dễ phá huỷ.

C- nó dễ dàng thu được từ môi trường ngoài cơ thể.

D- nó vô cùng bền vững và mang nhiều năng lượng.

Câu 185. Khâu quan trọng trong quá trình chuyển đổi bằng năng lượng của thế giới sống là các phản ứng

A. ôxi hoá khử. B. thuỷ phân.

C. phân giải các chất. D. tổng hợp các chất.

Câu 186. Đồng hoá là

A. tập hợp tất cả các phản ứng sinh hoá xảy ra bên trong tế bào.

B. tập hợp một chuỗi các phản ứng kế tiếp nhau.

C. quá trình tổng hợp các chất hữu cơ phức tạp từ các chất đơn giản.

D. quá trình phân giải các chất hữu cơ phức tạp thành các chất đơn giản.

Câu 187. Dị hoá là

A. tập hợp tất cả các phản ứng sinh hoá xảy ra bên trong tế bào.

B. tập hợp một chuỗi các phản ứng kế tiếp nhau.

C. quá trình tổng hợp các chất hữu cơ phức tạp từ các chất đơn giản.

D. quá trình phân giải các chất hữu cơ phức tạp thành các chất đơn giản.

Câu 188. Thành phần cơ bản của ezim là

A. lipit.

B. axit nucleic.

C. cacbon hiđrat.

D. protein.

Câu 189. Khi enzim xúc tác phản ứng, cơ chất liên kết với

A. cofactơ.

B. protein.

C. coenzim.

D. trung tâm hoạt động.

Câu 190. Tế bào cơ thể điều hoà tốc độ chuyển hoá hoạt động vật chất bằng bằng việc tăng giảm

A. nhiệt độ tế bào. B. độ pH của tế bào.

C. nồng độ cơ chất D. nồng độ enzim trong tế bào.

\*Câu 200. Trong các hợp chất hữu cơ sau, hợp chất nào không phải là enzim:

A.Trypsinogen.

B. Chymotripsinogen.

C. Secretin.

D. Pepsinogen

Câu 201. Tế bào cơ thể điều hoà tốc độ chuyển hoá hoạt động vật chất bằng bằng việc tăng giảm

A. nhiệt độ tế bào.

B. độ pH của tế bào.

C. nồng độ cơ chất

D. nồng độ enzim trong tế bào.

Câu 202. Một trong những cơ chế tự điều chỉnh quá trình chuyển hoá của tế bào là

A. xuất hiện triệu chứng bệnh lí trong tế bào.

B. điều chỉnh nhiệt độ của tế bào.

C. điều chỉnh nồng độ các chất trong tế bào.

D. điều hoà bằng ức chế ngược.

Câu 203. Bản chất của hô hấp tế bào là một chuỗi các phản ứng

A. thuỷ phân.

B. oxi hoá khử .

C. tổng hợp.

D. phân giải

Câu 204. Đường phân là quá trình biến đổi

A- glucôzơ.

B- fructôzơ.

C- saccarôzơ.

D- galactozơ.

Câu 205. Quá trình đường phân xảy ra ở

A- tế bào chất.

B- lớp màng kép của ti thể.

C- bào tương.

D- cơ chất của ti thể.

\*Câu 206. Điều nào sau đây là đúng với quá trình đư­ờng phân?

A. Bắt đầu ôxy hoá glucôzơ.

B. Hình thành một ít ATP, có hình thành NADH.

C. Chia glucôzơ thành 2 axít pyruvíc.

D. Tất cả các điều trên .

Câu 207. Trong quá trình hô hấp tế bào, năng lượng tạo ra ở giai đoạn đường phân bao gồm

A. 1 ATP; 2 NADH.

B. 2 ATP; 2 NADH.

C. 3 ATP; 2 NADH.

D. 2 ATP; 1 NADH.

\*Câu 208. Pyruvate là sản phẩm cuối của quá trình đường phân. Vậy phát biểu nào dưới đây là đúng?

A. Trong 2 phân tử Pyruvate có ít năng lượng hơn trong 1 phân tử glucô.

B. Trong 6 phân tử CO2 có nhiều năng lượng hơn trong 2 phân tử Pyruvate.

C. Pyruvate là 1 chất oxi hoá mạnh hơn CO2.

D. Trong 6 phân tử CO2 có nhiều năng lượng hơn trong 1 phân tử Glucô.

Câu 209. Trong quá trình hô hấp tế bào, ở giai đoạn chu trình Crep, nguyên liệu tham gia trực tiếp vào chu trình là

A. glucozơ.

B. axit piruvic.

C. axetyl CoA.

D. NADH, FADH.

\*Câu 210. Con đường trao đổi chất chung cho cả lên men và hô hấp nội bào là

A. Chu trình Krebs.

B. Chuỗi truyền điện tử.

C. Đ­ường phân.

D.Tổng hợp axetyl-CoA từ pyruvat.

\*Câu 211. Chất nhận điện tử cuối cùng của chuỗi truyền điện tử trong sự photphorin hoá oxi hoá là

A. Oxi.

B. Nước.

C. Pyruvat.

D. ADP.

Câu 212. Trong quá trình hô hấp tế bào, từ 1 phân tử glucozơ tạo ra được

A. 2 ATP.

B. 4 ATP.

C. 20 ATP.

D. 32 ATP.

\*Câu 213. Một phân tử glucôzơ bị oxi hoá hoàn toàn trong đ­ường phân và chu trình Krebs, như­ng hai quá trình này chỉ tạo ra một vài ATP. Phần năng lư­ợng còn lại mà tế bào thu nhận từ phân tử glucôzơ ở

A.trong FAD và NAD+.

B.trong O2.

C. mất d­ưới dạng nhiệt.

D.trong NADH và FADH2.

\*Câu 214. Điện tử đ­ược tách ra từ glucôzơ trong hô hấp nội bào cuối cùng có mặt trong

A. ATP.

B. Nhiệt

C. Glucôzơ.

D. Nư­ớc.\*

\*Câu 215. Trong phản ứng oxi hóa khử, điện tử cần tách ra từ một phân tử và chuyển cho một phân tử khác. Câu nào sau đây là đúng?

A. Các điện tử đư­ợc gắn vào NAD+, sau đó NAD+ sẽ mang điện tử sang một chất nhận điện tử khác.

B. Sự mất điện tử gọi là khử cực.

C. NADH rất phù hợp với việc mang các điện tử.

D. FADH2 luôn đ­ược oxi hoá đầu tiên.

\*Câu 216. Một phân tử glucôzơ đi vào đường phân khi không có mặt của O2 sẽ thu đ­ược

A. 38 ATP.

B. 4 ATP.

C. 2 ATP.

D. 0 ATP, bởi vì tất cả điện tử nằm trong NADH.

Câu 217. Kết thúc quá trình đường phân, tế bào thu được số phân tử ATP là

A- 1.

B- 2.

C- 3.

D- 4.

Câu 218. Từ 1 phân tử glucôzơ sản xuất ra hầu hết các ATP trong

A- chu trình Crep.

B- chuỗi truyền êlectron hô hấp.

C- đường phân.

D- cả A,B và C.

Câu 219. Trong quá trình hô hấp tế bào, năng lượng tạo ra ở giai đoạn đường phân bao gồm

A. 1 ATP; 2 NADH. B. 2 ATP; 2 NADH.

C. 3 ATP; 2 NADH. D. 2 ATP; 1 NADH.

Câu 220. Trong quá trình hô hấp tế bào, ở giai đoạn chu trình Crep, nguyên liệu tham gia trực tiếp vào chu trình Crep là

A. glucozơ.

B. axit piruvic.

C. axetyl CoA.

D. NADH, FADH.

Câu 221. Trong quá trình hô hấp tế bào, từ 1 phân tử glucozơ tạo ra được

A. 2 ATP B. 4 ATP C. 20 ATP D. 32 ATP

Câu 222. Chuỗi truyền êlectron hô hấp diễn ra ở

A- màng trong của ti thể.

B- màng ngoài của ti thể.

C- màng lưới nội chất trơn.

D- màng lưới nội chất hạt.

\* Câu 223. ở tế bào thực vật ATP được tạo ra trong sự phản ứng với ánh sáng. Chuỗi truyền điện tử liên quan đến quá trình này được định vị ở

A. strôma của lục lạp.

B. màng thylacoid của lục lạp.

C. màng trong của ti thể.

D. cytosol.

Câu 224. Tốc độ của quá trình hô hấp phụ thuộc vào

A- hàm lượng oxy trong tế bào.

B- tỉ lệ giữa CO2/O2.

C- nồng độ cơ chất.

D-nhu cầu năng lượng của tế bào.

Câu 225. Sự hô hấp nội bào được thực hiện nhờ

A- sự có mặt của các nguyên tử Hyđro.

B- sự có mặt của cácphân tử CO2.

C- vai trò xúc tác của các enzim hô hấp.

1. vai trò của các phân tử ATP.

Câu 226. Sự hô hấp nội bào được thực hiện nhờ

A- sự có mặt của các nguyên tử Hyđro.

B- sự có mặt của cácphân tử CO2.

C- vai trò xúc tác của các enzim hô hấp.

1. vai trò của các phân tử ATP.

Câu 227. Trong quá trình chuyển hoá các chất, lipít bị phân giải thành

A. axít amin .

B. axit nuclêic.

C. axit béo.

D. glucozo.

Câu 228. Hô hấp hiếu khí được diễn ra trong

A- lizôxôm.

B- ti thể.

C- lạp thể.

D- lưới nội chất.

\*Câu 229. Trong hô hấp hiếu khí, glucô được chuyển hoá thành pyruvatte ở bộ phận

A. màng trong của ti thể.

B. tế bào chất

C. màng ngoài của ti thể.

D. dịch ti thể.

Câu 230. Quá trình hô hấp có ý nghĩa sinh học là

A- đảm bảo sự cân bằng O2 và CO2 trong khí quyển.

B- tạo ra năng lượng cung cấp cho các hoạt động sống cho tế bào và cơ thể.

C- chuyển hoá gluxit thành CO2, H2O và năng lượng.

D- thải các chất độc hại ra khỏi tế bào.

Câu 231. Khả năng hoá tổng hợp có ở một số

A. thực vật bậc cao.

B. tảo.

C. nấm.

D. vi khuẩn.

Câu 232. Hoá tổng hợp là khả năng oxi hoá các chất

1. hữu cơ lấy năng lượng tổng hợp cacbonhiđrat.
2. hữu cơ lấy năng lượng tổng hợp protein.
3. vô cơ lấy năng lượng tổng hợp cacbonhiđrat.
4. vô cơ lấy năng lượng tổng hợp protein.

Câu 233. Trong quang hợp, sản phẩm của pha sáng được chuyển sang pha tối là

A. O2. B. CO2.. C. ATP, NADPH. D. cả A, B, C.

Câu 234. Quang hợp là quá trình

A. biến đổi năng lượng mặt trời thành năng lượng hoá học.

B. biến đổi các chất đơn giản thành các chất phức tạp.

C. tổng hợp các chất hữu cơ từ các chất vô cơ (CO2, H2O) với sự tham gia của ánh sáng và diệp lục.

D. cả A,B và C.

Câu 235. Loại sắc tố quang hợp mà cơ thể thực vật nào cũng có là

A. clorophin a.

B. clorophin b.

C. carotenoit .

D. phicobilin.

Câu 236. Các sắc tố quang hợp có nhiệm vụ

A- tổng hợp glucôzơ.

B- hấp thụ năng lượng ánh sáng.

C- thực hiện quang phân li nước.

D- tiếp nhận CO2.

Câu 237. Quang hợp chỉ được thực hiện ở

A- tảo, thực vật, động vật.

B- tảo, thực vật, nấm.

C- tảo, thực vật và một số vi khuẩn.

D- tảo, nấm và một số vi khuẩn.

Câu 238. Pha sáng của quang hợp diễn ra ở

A- chất nền của lục lạp.

B- chất nền của ti thể.

C- màng tilacôit của lục lạp.

1. màng ti thể.

Câu 239. Trong pha sáng của quang hợp năng lượng ánh sáng có tác dụng

A- kích thích điện tử của diệp lục ra khỏi quỹ đạo.

B- quang phân li nước tạo các điện tử thay thế các điện tử của diệp lục bị mất.

C- giải phóng O2.

D- cả A, B và C.

Câu 240. Nước tham gia vào pha sáng quang hợp với vai trò cung cấp

A. năng lượng. B. oxi. C. electron và hiđro. D. cả A, B, C

Câu 241. Oxi được giải phóng trong

1. pha tối nhờ quá trình phân li nước.
2. pha sáng nhờ quá trình phân li nước.
3. pha tối nhờ quá trình phân li CO2.
4. pha sáng nhờ quá trình phân li CO2. .

Câu 242. Trong quá trình quang hợp, oxy được sinh ra từ

A- H2O.

B- CO2.

C- chất diệp lục.

D- chất hữu cơ.

Câu 243. Quá trình hấp thụ năng lượng ánh sáng mặt trời thực hiện được nhờ

A- lục lạp.

B- màng tilacôit.

C- chất nền của lục lạp.

D- các phân tử sắc tố quang hợp.

Câu 244. Chất khí được thải ra trong quá trình quang hợp là

A- CO2.

B- O2.

C- H2.

D- N2.

Câu 245. Trong quang hợp, sản phẩm của pha sáng được chuyển sang pha tối là

A. O2.

B. CO2..

C. ATP, NADPH.

D. cả A, B, C.

Câu 246. Nước tham gia vào pha sáng quang hợp với vai trò cung cấp

A. năng lượng.

B. oxi.

C. electron và hiđro.

D. cả A, B, C.

Câu 247. Oxi được giải phóng trong

A. pha tối nhờ quá trình phân li nước.

B. pha sáng nhờ quá trình phân li nước.

1. pha tối nhờ quá trình phân li CO2.
2. pha sáng nhờ quá trình phân li CO2.

Câu 248. Trong pha sáng, năng lượng ánh sáng có tác dụng

1. quang phân li nước cho các điện tử thay thế các điện tử của diệp lục bị mất;
2. quang phân li nước giải phóng ra O2;
3. kích thích điện tử của diệp lục ra khỏi qũi đạo.
4. cả A, B, C.

Câu 249. Sản phẩm tạo ra trong chuỗi phản ứng sáng của quá trình quang hợp là

A .ATP; . NADPH;O2 ,

B. C6H12O6; H2O; ATP.

C. ATP; O2; C6H12O6. ; H2O.

D. H2O; ATP; O2;

\* Câu 250. Sự phối hợp giữa PSI và PSII là cần thiết để

A. tổng hợp ATP.

B. khử NADP+.

C.thực hiện phốt pho rin hoá vòng.

D. o xi hoá trung tâm phản ứng của PSI.

Câu 251. Pha tối của quang hợp còn được gọi là

1. pha sáng của quang hợp.
2. quá trình cố định CO2.
3. quá trình chuyển hoá năng lượng.
4. quá trình tổng hợp cacbonhidrat.

Câu 252. Sản phẩm cố định CO2 đầu tiên của chu trình C3 là

A- hợp chất 6 cacbon.

B- hợp chất 5 cacbon.

C- hợp chất 4 cacbon.

D- hợp chất 3 cacbon.

Câu 253. Trong chu trình C3, chất nhận CO2 đầu tiên là

A- RiDP.

B- APG.

C- ALPG.

D- AP.

Câu 254. Chất khí cần thiết cho quá trình quang hợp là

A- CO2.

B- O2.

C- H2.

1. Cả A, B và C

Câu 255. Sản phẩm tạo ra trong chuỗi phản ứng tối của quá trình quang hợp là

A.C6H12O6.; O2;

B. H2O; ATP; O2;

C. C6H12O6; H2O; ATP.

D. C6H12O6.

\*Câu 256. Sự khác nhau cơ bản giữa quang hợp và hô hấp là

1. đây là 2 quá trình ngược chiều nhau.

B . sản phẩm C6H12O6 của quá trình quang hợp là nguyên liệu của quá trình hô hấp.

C. quang hợp là quá trình tổng hợp, thu năng lượng, tổng hợp còn hô hấp là quá trình phân giải, thải năng lượng.

D. cả A, B, C.